

HAI CÁCH TIẾP CẬN VẤN ĐỀ TỰ DO BÁO CHÍ

NGUYỄN VĂN DŨNG (*)

Lời tòa soạn: Trên thế giới nói chung và ở mỗi quốc gia nói riêng, tự do báo chí luôn là vấn đề nóng hổi, bức xúc thu hút sự quan tâm của mọi tầng lớp xã hội từ nhiều phương diện khác nhau. Ở Việt Nam, quyền tự do báo chí được thừa nhận và khẳng định trong Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Để làm rõ thêm vấn đề này, Tạp chí Triết học cho đăng bài “Hai cách tiếp cận vấn đề tự do báo chí” của PGS, TS. Nguyễn Văn Dũng trên mục Trao đổi ý kiến. Những luận giải về hai cách tiếp cận tự do báo chí là quan điểm riêng của tác giả.

Trong bài viết này, trên cơ sở phân tích một số vấn đề về phương pháp luận tiếp cận tự do báo chí, tác giả đã luận giải hai cách tiếp cận tự do báo chí. Đó là, thứ nhất, cách tiếp cận truyền thống xem xét tự do báo chí theo mô hình truyền thông cơ bản; thứ hai, cách tiếp cận mới về tự do báo chí theo các bình diện và điều kiện hoạt động.

Tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và tự do báo chí là những khái niệm chỉ các trạng thái và cấp độ khác nhau về cùng một vấn đề. Trong đó, tự do báo chí luôn là vấn đề nóng hổi, bức xúc, được nhiều người quan tâm từ các phương diện khác nhau. Bởi lẽ, báo chí là phương tiện thể hiện thường xuyên và liên tục nhất, đồng thời là kênh truyền dẫn quan trọng nhất của tự do ngôn luận và tự do tư tưởng. Mặt khác, trong cuộc đấu tranh tư tưởng – chính trị ngày nay, báo chí ngày càng thể hiện vai trò đặc biệt quan trọng, là mặt trận nóng bỏng và là hệ thống phương tiện hữu dụng nhất trong việc thể hiện quyền lực và sức mạnh chính trị - xã hội.

Báo chí đã tốn không ít giấy mực và thời gian cho những cuộc tranh luận, bút chiến nảy lửa trên phạm vi quốc tế và khu vực; và dĩ nhiên cuộc bút chiến này chưa đến hồi kết, thậm chí ngày càng trở nên phức tạp. Vậy, tự do báo chí là gì và nên tiếp cận nó như thế nào cả trên bình diện lý luận lẫn thực tiễn?

Tự do báo chí là mục đích hướng tới hay chỉ là phương tiện để thực hiện mục đích nào đó?

Trong phạm vi bài viết này, trên cơ sở phương pháp luận tiếp cận vấn đề, người viết giới thiệu hai cách tiếp cận vấn đề tự do báo chí.

1. Một số vấn đề phương pháp luận tiếp cận tự do báo chí

Trong khoa học và thực tế cuộc sống, có một số khái niệm mà muốn hiểu bản chất cần phải đặt chúng trong sự so sánh, đối lập với các khái niệm khác, như các khái niệm ngày - đêm, phải - trái, trên - dưới... Bản thân các khái niệm này khi đặt trong sự đối lập ấy đã nói lên bản chất và tính chất tương đối của mỗi khái niệm. Để hiểu khái niệm tự do, cần đặt “tự do” trong sự đối lập với khái niệm tất yếu. Tự do là vấn đề vừa trừu tượng, vừa cụ thể; vừa thể hiện nhận thức và hành động lý trí, vừa

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ. Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

bao hàm trạng thái tình cảm, cảm xúc, cảm nhận của con người trong các mối quan hệ có tính chất lịch sử.

Nhận thức cái tất yếu - những quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy - là tiền đề cơ bản, quan trọng để đạt được tự do, nhưng nếu chỉ nhận thức không thôi thì chưa thể có được tự do. Bởi vì, muốn chinh phục cái tất yếu, ngoài nhận thức được bản chất cái tất yếu ra, cần phải có năng lực và điều kiện chinh phục nó. Nhờ sự phát triển của khoa học và công nghệ, chúng ta có thể biết được cơn bão sẽ đi qua có khả năng uy hiếp như thế nào đối với cuộc sống cư dân cả một vùng, nhưng chỉ nhận thức được điều đó mà thiếu năng lực và điều kiện chinh phục nó, thì cũng chỉ ngồi yên để "chịu trận" khi cơn bão đi qua mà thôi. Nhận thức được dòng sông cả về bề rộng lẫn về sức mạnh dòng chảy,... nhưng không có đủ sức khỏe và kỹ năng để bơi qua thì làm gì có tự do của sự chinh phục.

Như vậy, muốn đạt được tự do, con người phải nhận thức được "cái tất yếu" (điều kiện cần), đồng thời phải có năng lực và điều kiện (điều kiện đủ) để chinh phục "cái tất yếu" ấy. Nói cách khác, tất yếu là giới hạn, là đường ranh giới của tự do. Nhận thức, năng lực và điều kiện của con người chinh phục được cái tất yếu được đến đâu, đường ranh giới của tự do nói rộng ra đến đấy. Trong đời sống xã hội, tất yếu chính là môi trường pháp lý, điều kiện kinh tế và môi trường văn hóa, hệ thống giá trị đạo đức do cộng đồng quan niệm và tạo lập. Theo quan niệm của triết học Mác - Lênin, nhận thức của con người là vô hạn - nhận thức được thế giới vật chất,

nhưng đấy là nhận thức của con người triết học - con người trừu tượng, của loài người nói chung; còn khả năng ấy tồn tại ở mỗi thế hệ, trong mỗi con người cụ thể, trong mỗi cá nhân thì luôn có giới hạn.

Mỗi nước, ở mỗi giai đoạn của sự phát triển, có hệ thống luật pháp riêng, chịu sự chi phối của các yếu tố lịch sử, địa lý, văn hóa, chính trị và trình độ phát triển. Do đó, không có tự do báo chí chung chung, trừu tượng, mà tự do báo chí tồn tại trong môi trường xã hội cụ thể. Tự do, dân chủ hay nhân quyền đều cần xem xét trong bối cảnh lịch sử, văn hóa và điều kiện cụ thể của trình độ phát triển của mỗi nước. Không thể khẳng định rằng, ở một nước có nền kinh tế phát triển, giàu mạnh và xã hội phát triển đến trình độ cao cũng có nghĩa là ở đó đã có tự do báo chí hoàn toàn; ngược lại, một nước có nền kinh tế kém phát triển, văn hóa - xã hội đang ở trình độ thấp mà đã có tự do báo chí trình độ cao. Mọi sự ngộ nhận đều dẫn đến sai lầm và sẽ kìm hãm sự phát triển xã hội và tiến bộ của cộng đồng. Đồng thời, áp đặt quan niệm tự do của nước này lên nước khác là tư duy chính trị lỗi thời, cũng khó có thể chấp nhận được. Tính chất và mức độ tự do báo chí cần được xem xét trong những điều kiện cụ thể của sự phát triển.

Vậy, tự do báo chí là mục đích hay phương tiện để thực hiện mục đích nào đó? Tự do báo chí là quyền thiêng liêng và cao cả của mỗi con người, mỗi dân tộc trong quá trình trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm cũng như chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm, nhưng giành được tự do báo chí để làm gì? Tự do báo

chí có phải là đích cuối cùng cần đạt tới? Không, tự do báo chí chỉ là phương tiện, hay là phương thức; còn việc sử dụng phương tiện hay phương thức ấy để làm gì, đạt tới cái gì mới là đích đến của tự do báo chí. Sự nhầm lẫn giữa mục đích và phương tiện sẽ là sai lầm nghiêm trọng và phải gánh chịu hậu quả ngoài mong đợi.

Chúng ta biết rằng, ở thời kỳ bắt đầu sự nghiệp cải tổ (pê-rê-x-trôi-ka) của Liên Xô giữa những năm 80 của thế kỷ XX, thông điệp đích của những người chủ trương cải tổ là “công khai và dân chủ hóa đời sống xã hội”. Trong điều kiện xã hội Xôviết lúc bấy giờ, việc nêu khẩu hiệu trên đã như làn gió thổi trời trạng thái tinh thần xã hội, nhưng “công khai và dân chủ hóa” để làm gì lại còn là ẩn số? Vấn đề không phải là công khai để mà công khai, dân chủ để mà dân chủ. Mỗi con người cần có tự do, mỗi dân tộc cần có độc lập và đích đến của mỗi con người và dân tộc nói chung phải là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”, chất lượng cuộc sống ngày một nâng cao. Ngay cuối những năm 80 của thế kỷ trước, khi công cuộc cải tổ “đi” được dăm năm, người ta đã cho rằng “công cuộc cải tổ của Liên Xô như chuyến bay không có sân đỗ, vì những người chủ trương cải tổ đã lấy phương tiện làm mục đích – mục đích của cải tổ là công khai và dân chủ hóa đời sống xã hội”(1). C.Mác đã từng khẳng định rằng, không nên bàn đến có hay không có tự do báo chí; tự do báo chí bao giờ cũng có; vấn đề là tự do báo chí cho ai và tự do để làm gì. Trong xã hội còn phân chia giai cấp, còn khác biệt lợi ích

giữa các giai cấp và các nhóm xã hội, thì tự do cho giai cấp hay nhóm xã hội này có thể là hạn chế tự do cho giai cấp khác, nhóm xã hội khác. Và đương nhiên, đối với các giai cấp hay các nhóm xã hội khác nhau, sử dụng tự do báo chí như công cụ nhằm đạt tới những mục đích không giống nhau chủ yếu vì lợi ích của giai cấp mình, nhóm xã hội do mình đại diện.

Cho đến nay, các học giả, nhà báo, nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều quan niệm về tự do báo chí. Năm 1991, trong bài thuyết trình *Kế hoạch tự do* gửi tới hội nghị của UNESCO tại Namibia, giáo sư, tiến sĩ Paul Ansah(2) giải thích: “Tự do báo chí được hiểu là tự do phổ biến thông tin và bày tỏ quan điểm trên các phương tiện truyền thông đại chúng mà không chịu sự kiểm soát của chính phủ. Nền báo chí tự do phải thông tin trung thực những vấn đề đang xảy ra trong xã hội, là diễn đàn để công chúng bày tỏ quan điểm, ý kiến, bình luận, thậm chí chỉ trích các vấn đề của đất nước, là công cụ giám sát việc thực hiện quyền của con người”. Ủy ban Hutchins quan niệm rằng, “tự do báo chí” là được phép bày tỏ quan điểm trên mọi phương diện và không chịu sự chi phối của bất kỳ thế lực nào trong xã hội...(3). Theo nghĩa chung nhất, *tự do báo chí có thể hiểu là trạng thái không bị ràng buộc hay cưỡng bức, không bị*

(1) GS. Prôkhôrop phát biểu tại “Hội thảo khoa học – thực tiễn báo chí” tổ chức tại Khoa Báo chí, Đại học Lô-mônô-sốp (MGU), Nga, tháng 3/1990.

(2) Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Truyền thông, Đại học Ghana.

(3) Gunaratne, S. A. *Freedom of the Press: A world system perspective*, Sage Publications, California, 2002, p.347.

hạn chế hay cấm đoán... trong quá trình thu thập, trao đổi, chia sẻ và phổ biến thông tin, thể hiện ý chí và nguyện vọng của con người một cách công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng nói chung và báo chí nói riêng. Tuy nhiên, trên thực tế, không một nước nào có nền báo chí tự do theo nguyên nghĩa như trên, mà tất cả đều bị hạn chế bởi pháp luật – tự do trong khuôn khổ pháp luật, ít nhiều chịu sự chi phối của các yếu tố kinh tế, văn hóa hay trình độ phát triển xã hội nói chung.

Tự do báo chí là khẩu hiệu chính trị tiến bộ do giai cấp tư sản nêu lên để tập hợp lực lượng, đấu tranh lật đổ giai cấp phong kiến và tầng lũ. Nói cách khác, giai cấp tư sản đã sáng tạo ra và sử dụng có hiệu quả vấn đề “tự do báo chí” trong cuộc đấu tranh phá bỏ xiềng xích phong kiến để bước lên vũ đài lịch sử. Trong bối cảnh vị thế của giai cấp tư sản đang lên, ngọn cờ tự do báo chí được nêu cao, C.Mác đã lợi dụng ngọn cờ này do giai cấp tư sản phát lên và dùng báo chí để tuyên truyền, quảng bá lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học cho giai cấp công nhân. Ông đã sử dụng báo chí làm phương tiện hữu hiệu nhất (nếu không nói là duy nhất) để giác ngộ và đưa cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản phát triển từ đấu tranh tự phát lên đấu tranh tự giác, từ đấu tranh kinh tế lên đấu tranh chính trị, từ đấu tranh chính trị lên đấu tranh tư tưởng. Khi nhận thấy vai trò của báo chí được C.Mác sử dụng hiệu quả như thế nào, nhà cầm quyền tư sản đã ra tay bóp nghẹt tự do báo chí của báo chí vô sản do ông khởi xướng. Sau khi tờ *Nhật báo tỉnh Ranh* bị nhà nước tư sản cấm hoạt động,

C.Mác đã thông qua một số tờ báo khác để truyền bá lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ thực tiễn đấu tranh, C.Mác tổng kết rằng, vũ khí phê phán quyết không thể thay thế việc phê phán bằng vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bởi lực lượng vật chất, nhưng khi tinh thần đã thấm vào quần chúng thì chính nó sẽ trở thành sức mạnh vật chất. Báo chí khi đã thâm nhập vào công chúng xã hội có thể làm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của hàng chục triệu người - khối vật chất khổng lồ tạo nên sức mạnh xã hội. Do đó, khi “ngai vàng thống trị” đã về tay giai cấp tư sản, quyền tự do báo chí lại không dành cho số đông nhân dân lao động, những người trước đó đã đi theo ngọn cờ tự do của giai cấp tư sản, mà chỉ dành cho một thiểu số những người có tiền, có quyền lực... nhằm lũng đoạn dư luận vì các mục đích của giai cấp tư sản và tầng lớp cầm quyền, trong đó chủ yếu là mục đích chính trị và siêu lợi nhuận. Như vậy, tự do báo chí luôn được xem xét trong tính lịch sử của nó – cả trên phương diện lịch đại cũng như đồng đại.

2. Hai cách tiếp cận vấn đề tự do báo chí

Vấn đề tự do báo chí ngày càng trở nên phức tạp và người ta tiếp cận nó dưới nhiều góc độ, cách thức và với những mục đích khác nhau. Tựu trung lại, cho đến nay, báo chí hiện đại chủ yếu tiếp cận tự do báo chí theo hai cách: *cách tiếp cận truyền thống* theo mô hình truyền thông cơ bản và *cách tiếp cận thực tế* trên các điều kiện bảo đảm tự do báo chí.

Cách tiếp cận truyền thống xem xét tự do báo chí theo mô hình truyền thông,

theo đó, mô hình cơ bản của truyền thông - báo chí được miêu tả như sau:

Nguồn $\Rightarrow$ thông điệp $\Rightarrow$ kênh chuyển tải $\Rightarrow$ công chúng $\Rightarrow$ hiệu ứng xã hội.

Trong đó:

- *Nguồn*: nguồn cung cấp thông tin, phát ngôn. Nói cách khác, đó là những lực lượng có quyền thành lập cơ quan báo chí (bao gồm báo in, phát thanh, truyền hình và báo mạng điện tử). Có ý kiến cho rằng, theo sơ đồ này thì báo chí chỉ tự do khi ai cũng được ra báo. Đây là cách hiểu thiếu thực tế nhưng chưa nói lên bản chất vấn đề. Luật pháp Hoa Kỳ quy định mọi cá nhân, tổ chức đều có thể thành lập một tờ báo mà không cần xin phép, nhưng phải có doanh nghiệp và đăng ký mã số thuế và nộp thuế đầy đủ. Trên thực tế, ở Mỹ chỉ những người giàu mới đủ khả năng duy trì tờ báo và do đó, tự do báo chí là tự do cho những người có tiền, trước hết là những chủ báo. Đương nhiên, lúc này các ông chủ đều đặt mục tiêu kinh doanh kiếm lời lên hàng đầu. Lợi nhuận được thu từ kinh doanh trực tiếp ấn phẩm báo chí (bán báo, quảng cáo và dịch vụ thông tin), hoặc từ các nguồn tài trợ cho những mục đích khác nhau. Và đương nhiên, ý kiến phát biểu của số đông nhân dân lao động bình thường khó mà được đăng tải. Nói chung, tất cả các báo in và đài phát thanh, truyền hình ở Mỹ tồn tại vì mục đích kinh tế, lợi nhuận; nếu không có lợi nhuận, thua lỗ thì chắc chắn phải đóng cửa. Vì lợi nhuận, nên báo chí Mỹ chỉ tập trung ưu tiên những thông tin giải trí, những vụ bê bối của các ngôi sao, giật gân câu khách mà ít quan tâm đến những vấn

đề an sinh xã hội, càng ít thông tin vấn đề chính trị, quốc tế. Hiện nay, thị trường thông tin của Mỹ nằm trong tay một số ít siêu tập đoàn truyền thông. Những tập đoàn này đang từng bước làm thay đổi nền chính trị và định hướng các giá trị xã hội. Quá trình hình thành các tập đoàn truyền thông khổng lồ xuyên quốc gia thu tóm và sáp nhập diễn ra càng nhanh thì quyền tự do báo chí bị xâm phạm càng lớn.

Theo các văn bản quy phạm pháp luật về báo chí của Việt Nam, chỉ các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp (gọi tắt là tổ chức) mới được phép xuất bản báo; còn với tư cách cá nhân sẽ không được cấp phép thành lập cơ quan báo chí. Nhưng xét về bản chất và thực tế, mỗi cá nhân, công dân lại đều sinh hoạt trong một tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp nhất định; mà những tổ chức này đều có thể được cấp phép thành lập cơ quan báo chí, nếu đủ điều kiện theo luật định. Như vậy, về nguyên tắc, ở nước ta, tự do báo chí là tự do cho mọi tầng lớp nhân dân lao động; mỗi công dân ít nhất có một tổ chức - một cơ quan báo chí đại diện làm diễn đàn cung cấp, trao đổi và chia sẻ thông tin, tư tưởng, tình cảm. Tuy nhiên, một số cá nhân và các tổ chức có quan điểm chính trị đối lập thường vin vào quy định này của pháp luật để công kích, quy chụp rằng, Việt Nam hạn chế tự do báo chí vì không cho báo chí tư nhân hoạt động. Có thể khẳng định rằng, những hạn chế ấy là có thật; và đó cũng là hạn chế do pháp luật quy định - điều mà bất cứ quốc gia nào trên hành tinh cũng có hạn chế tự do báo chí trên cấp độ và bình diện khác nhau, trong

khôn khổ pháp luật của nước mình.

Mặt khác, không quốc gia nào trên thế giới có tự do báo chí vô hạn độ, mà ít nhiều bị giới hạn ít nhất bởi pháp luật, thậm chí bởi quyền lực chính trị và kinh tế. Do đó, ở Việt Nam nếu có hạn chế tự do báo chí cũng là điều dễ hiểu và đó là tất yếu, khách quan của lịch sử, theo quy định của pháp luật - phản ánh ý chí của nhà nước và nguyện vọng của nhân dân, được Quốc hội thông qua và Nhà nước ban hành.

- *Thông điệp*: theo luật định và thực tế xã hội Việt Nam, bất kỳ ai cũng có thể phát biểu trên báo chí, miễn là phát biểu ấy vì lợi ích của đất nước, vì lợi ích của nhân dân, công chúng xã hội và phù hợp với tôn chỉ mục đích của cơ quan báo chí. *Luật Báo chí* năm 1989 và *Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật báo chí* đã tạo lập hành lang pháp lý bảo đảm tự do hoạt động báo chí và tự do ngôn luận trên báo chí của công dân. Theo đó, ai cũng có quyền viết báo, phát biểu trên báo chí; bài viết hay ý kiến của công dân được đăng tải hay không là do tòa soạn báo toàn quyền quyết định. Mặt khác, luật cũng quy định mỗi công dân có quyền hành động hoặc không hành động trong lĩnh vực báo chí mà không tổ chức hay cá nhân nào được ngăn cản quyền tự do hành động hoặc không hành động trong lĩnh vực báo chí của công dân. Như vậy, luật pháp xác định địa vị pháp lý của công dân, quy định quyền và nghĩa vụ của cơ quan báo chí bảo đảm quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận trên báo chí của công dân. Thực tế ở nước ta cho thấy, xung quanh các nhà báo chuyên nghiệp còn có hàng ngàn nhà báo không

chuyên nghiệp và đông đảo nhân dân tham gia diễn đàn trên báo chí truyền thông, nhất là việc góp ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội.

- *Kênh chuyển tải* thông tin, thông điệp - cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động báo chí hoặc là do nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư hoặc do tư nhân phát hành. Dù trình độ kinh tế còn thấp, đời sống nhân dân chưa cao, nhưng hệ thống các kênh truyền thông của chúng ta không thua kém nước nào trong khu vực, thậm chí rải đều, đầy đủ trên tất cả các khu vực, các địa phương. Ngoài 64 tỉnh, thành phố có đài phát thanh, truyền hình của mình, Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam (VOV) và Đài truyền hình Việt Nam (VTV) đã phủ sóng trên dưới 90% hộ gia đình trong cả nước. Mạng internet liên tục được phát triển, nâng cấp và đến nay đã có trên 28% cư dân truy cập,...; hệ thống báo in không ngừng phát triển. Chính phủ đã có chính sách đầu tư và hỗ trợ phát triển các loại hình báo chí, cung cấp miễn phí đầu thu và sản phẩm báo in cho dân cư những vùng khó khăn, không ngừng đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao và đáp ứng tốt hơn quyền được thông tin của công dân.

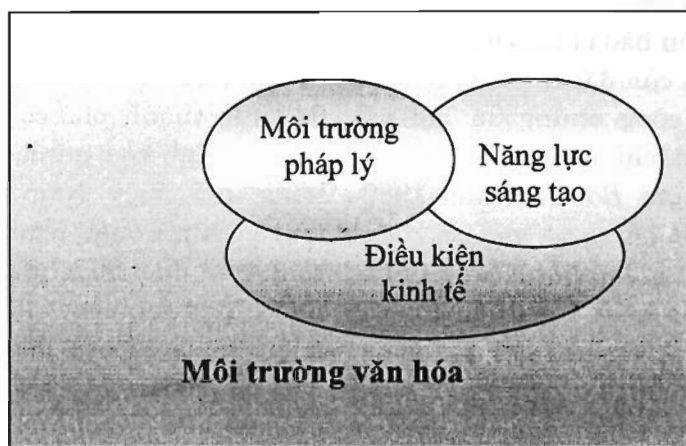
- *Tiếp nhận*: quyền được thông tin và tiếp nhận sản phẩm báo chí của công dân không những được pháp luật bảo vệ, mà Chính phủ còn có chính sách hỗ trợ máy thu thanh, thu hình và trợ giá báo hoặc theo phương thức đặt hàng, bảo đảm cho dân cư những vùng khó khăn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống có điều

kiện tiếp nhận tốt hơn. Tất nhiên, có quyền tiếp nhận thông tin báo chí, nhưng phải có điều kiện tiếp nhận, như trình độ văn hóa, phương tiện, tài chính,... mới có thể thỏa mãn nhu cầu. Cho nên, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm của đất nước được Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm lãnh đạo, cũng là nhằm bảo đảm cho nhân dân có điều kiện ngày càng tốt hơn trong việc tiếp nhận sản phẩm báo chí truyền thông, bảo đảm quyền tự do thông tin và

tự do tiếp nhận thông tin cho nhân dân.

Cách tiếp cận mới về tự do báo chí theo các bình diện và điều kiện hoạt động.

Tự do báo chí cần được xem xét ít nhất trên bốn bình diện là *điều kiện kinh tế, môi trường pháp lý* (hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và thể chế quyền lực), *năng lực sáng tạo* và *môi trường văn hóa*. Theo cách tiếp cận này, những điều kiện cơ bản bảo đảm việc thực hiện quyền tự do báo chí có thể được mô tả trong sơ đồ sau đây:



Theo cách tiếp cận này, yếu tố đầu tiên cần phải xem xét là *điều kiện kinh tế* tối thiểu cho hoạt động báo chí, từ thu thập, xử lý, sản xuất, chuyển tải và tiếp nhận sản phẩm báo chí. Việc xuất bản một tờ báo hay thành lập đài phát thanh, đài truyền hình, hoặc mở chương trình mới... đòi hỏi phải có tiền để trang trải các khoản chi phí ban đầu, như thuê địa điểm làm việc, trả lương nhân viên, mua sắm máy móc trang thiết bị, thuê kênh phát hành, phát sóng... Ở nước ta, hầu như không tổng biên tập nào phải lo các khoản chi phí ban đầu như thế, vì báo chí cũng là cơ

quan nhà nước, kinh phí hoạt động chủ yếu do Nhà nước cấp (hoặc hoạt động theo hành lang pháp lý với cơ chế chính sách cụ thể). Như vậy, ngoài quy định của pháp luật, "yếu tố tài chính" đóng vai trò rất quan trọng, từ hoạt động của toà soạn đến hoạt động của phóng viên.

Hầu hết các cơ quan báo chí ở nước ta hoạt động dựa vào nguồn ngân sách do Nhà nước cấp, cán bộ phóng viên như những viên chức cơ quan nhà nước, thể thức hoạt động của cơ quan báo chí là đơn vị sự nghiệp có thu. Do đó, tự do báo chí và tự do ngôn luận trên báo chí ở nước ta cũng cần được nhận thức là

chỉ thông tin những cái gì có lợi cho nhân dân, cho đất nước và cho Đảng; còn những gì bất lợi cho nhân dân, cho đất nước và bất lợi cho Đảng thì không thông tin. Đó là nguyên tắc và phương châm thực hiện tự do báo chí và tự do ngôn luận trên báo chí của công dân nói chung và nhà báo nói riêng.

Trên bình diện pháp lý, tự do báo chí phải được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật nhằm đảm bảo trật tự xã hội, chống lạm dụng quyền này để mưu lợi hoặc xâm hại lợi ích, danh dự của tổ chức và công dân. Muốn thực hiện tự do hoạt động báo chí và thực hiện quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân, nhà báo phải thông hiểu pháp luật và môi trường pháp lý. Nói cách khác, nhà báo cần nắm vững hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và thể chế tổ chức quyền lực nhà nước trong các thể chế chính trị, thể chế nhà nước và thể chế hành chính. Ở nước ta, ngay từ những ngày đầu mới thành lập chính quyền dân chủ nhân dân, trong kháng chiến kiến quốc, Nhà nước đã ban hành luật báo chí để bảo đảm quyền tự do báo chí của công dân. Pháp luật quy định quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận trên báo chí của công dân, nhưng đồng thời cũng quy định Nhà nước dùng báo chí để thiết lập và duy trì trật tự xã hội.

Bốn bộ Hiến pháp của nước ta đều đề cập đến quyền tự do báo chí một cách nhất quán. Ngày 14/12/1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 282, sau đó được Quốc hội thông qua và Sắc lệnh này trở thành luật số 100/SL.L002 ngày 20/5/1957 quy định chế độ báo chí, bảo đảm tự do báo chí cho công dân. *Luật Báo chí* năm 1989 và *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật báo chí* năm 1999

quy định cụ thể việc bảo đảm tự do báo chí và tự do ngôn luận trên báo chí cho công dân, bảo đảm việc sử dụng quyền tự do ấy vì mục đích xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, vì lợi ích cộng đồng và quyền lợi chính đáng của mỗi công dân.

Về nguyên tắc, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật càng hoàn thiện và chặt chẽ bao nhiêu, thì càng bảo đảm cho tự do báo chí và tự do ngôn luận trên báo chí của công dân bấy nhiêu. Tự do trong khuôn khổ pháp luật, cho nên muốn bảo đảm tự do hoạt động báo chí, nhà báo và công dân trước hết cần phải hiểu biết và nắm vững các quy định của pháp luật về hoạt động báo chí cũng như luật pháp về các lĩnh vực khác liên quan đến sự kiện và vấn đề thông tin; đồng thời, phải nêu cao tinh thần, ý thức chấp hành luật vì lợi ích của cộng đồng, lợi ích của dân tộc, vì sự phát triển bền vững của đất nước. Trong thực tế hoạt động báo chí, vấn đề khó khăn, phức tạp là ở chỗ “nên hay không nên thông tin”, chứ không phải ở chỗ “được hay không được thông tin”. Do đó, một trong những đòi hỏi quan trọng là nhà báo phải có khả năng phán đoán được năng lực cũng như các mối quan hệ tác động của sự kiện và vấn đề cần thông tin nhằm đáp ứng các yêu cầu cụ thể của công tác tư tưởng cũng như tâm lý và tâm trạng xã hội trong từng thời điểm và tình huống cụ thể.

Trên bình diện “*năng lực sáng tạo*”, muốn thực hiện quyền tự do báo chí và bảo đảm quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân, nhà báo cần nắm vững nguyên tắc hành nghề, có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm nghề nghiệp. Nhận thức là khởi nguồn của sáng tạo, chỉ có thể tự do sáng tạo trên

cơ sở nhận thức được cái tất yếu và có năng lực, điều kiện chinh phục cái tất yếu ấy. Đối với nhà báo, kiến thức là nền tảng, nhưng muốn tự do sáng tạo phải có kỹ năng và kinh nghiệm. Nhà báo thiếu kiến thức, kỹ năng và hạn chế về trình độ sẽ khó có thể thực hiện quyền tự do báo chí của mình. Trong quá trình thực hiện quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận trên báo chí, mỗi người cần ý thức rõ ràng rằng, việc sử dụng quyền tự do ấy là vì sự phát triển của đất nước, vì lợi ích của nhân dân mình, công chúng mình, chứ không phải vì lợi ích nhóm nhỏ, nhất là nhóm có quyền lực trong bộ máy công quyền. Ở đây, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sống và đạo đức nghề nghiệp, động cơ và mục đích sáng tạo... là những thành tố cấu thành năng lực sáng tạo của nhà báo. Năng lực sáng tạo này biểu hiện cụ thể ở mỗi chức danh nhà báo khác nhau, từ tổng biên tập, biên tập viên, phóng viên cũng khác nhau.

Để bảo đảm tự do báo chí, mỗi nhà báo phải nhận thức được quy luật vận động của xã hội, thông hiểu môi trường pháp lý, văn hóa, có hệ thống kiến thức nền tảng vững vàng, kiến thức chuyên ngành sâu sắc, nhận thức đúng mục đích và nguyên tắc hành nghề tác nghiệp, thuần thực với hệ thống kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình thu thập, xử lý và chuyển tải thông tin; đồng thời, có tấm lòng nhiệt thành với đạo đức hành nghề trong sáng.

Mọi hoạt động xã hội đều do môi trường văn hóa - xã hội chi phối. Do đó, trên *bình diện văn hóa*, tự do báo chí và tự do ngôn luận trên báo chí đòi hỏi phải phù hợp với hệ thống giá trị, chuẩn mực văn hóa của cộng đồng và

được cộng đồng chấp thuận. Nói đến văn hóa, trong trường hợp này, thông thường người ta đề cập trên hai bình diện chủ yếu là trình độ dân trí và phong tục tập quán. Trình độ dân trí bao gồm lĩnh vực năng lực sáng tạo giá trị mới (khoa học - công nghệ và văn học, nghệ thuật...) và giáo dục - đào tạo, vì vấn đề dân trí quan hệ chặt chẽ với vấn đề nhận thức, thực hành dân chủ và tự do báo chí. Không thể có nền dân chủ thật sự và chất lượng cao nếu dựa trên nền tảng dân trí thấp; khó có nền dân chủ thật sự khi phong tục tập quán, thói quen "sợ va chạm", "ngại phát biểu", "nể nang". Môi trường văn hóa là cơ chế tự điều chỉnh quá trình giao tiếp xã hội và giao tiếp trên báo chí - truyền thông. Người làm báo không chỉ cần có trình độ và năng lực nhận thức các vấn đề thực tiễn, có đạo đức nghề nghiệp, mà còn phải thông hiểu phong tục, tập quán văn hóa của cộng đồng, hiểu cách giao tiếp ứng xử của cộng đồng.

Tóm lại, các bình diện môi trường pháp lý, điều kiện kinh tế, môi trường văn hóa và năng lực sáng tạo của nhà báo phản ánh cả "cái khách quan" và "cái chủ quan" khi tiếp cận vấn đề tự do báo chí. "Cái khách quan" có thể hiểu là trình độ và điều kiện khách quan của sự phát triển; "cái chủ quan" là trình độ hiểu biết, năng lực nhận thức và kỹ năng hành nghề tác nghiệp - tính chuyên nghiệp của nhà báo... Mặt khác, tự do báo chí được thể hiện như thế nào còn phụ thuộc vào trình độ dân trí và quan trí, phụ thuộc vào văn hóa và đạo đức xã hội, trước hết là đội ngũ cán bộ công chức trong bộ máy công quyền cũng như đội ngũ cán bộ công chức nói chung. □